TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 – 5 – 2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Đình Thành
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Đức Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 12/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXX - ST ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989

* Bị đơn: Anh Trần Hoàng Q, sinh năm: 1983

Nguyên đơn và bị đơn cùng địa chỉ: Khu phố P, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Phước Bình vào ngày 06/9/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh Q không có công việc ổn định, không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Vợ chồng không có sự chia sẻ, cảm thông lẫn nhau, hiện tại vợ chồng còn chung sống cùng nhà với nhau nhưng không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống. Tình trạng mâu thuẫn này đã xảy ra từ năm 2017 đến nay nhưng không được khắc phục. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể kéo dài

cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có một con chung tên Trần Ngọc Như Q1, sinh ngày 02/10/2012. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu Quỳnh đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Hoàng Q trình bày:

Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Phước Bình vào ngày 06/9/2011. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do kinh tế trong gia đình, anh không có công việc và thu nhập ổn định. Ngoài ra mâu thuẫn vợ chồng còn xuất phát từ vấn đề quan hệ vợ chồng không có sự hòa hợp. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương vợ con, không muốn con bị ảnh hưởng đến cuộc sống và tâm lý.

Về con chung: anh thống nhất vợ chồng có con chung tên Trần Ngọc Như Q1, sinh ngày 02/10/2012. Trường hợp ly hôn anh đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng. Anh Q không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát*:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57; 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố Phước Vĩnh, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Xét theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Phước Bình vào ngày 06/9/2011. Do vậy, hôn nhân giữa chị H và anh Q là hợp pháp.

Chị H và anh Q đều thừa nhận trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là từ việc mâu thuẫn kinh tế trong gia đình; sự không hòa hợp trong quan hệ vợ chồng; vợ chồng không có sự quan tâm, thấu hiểu và tôn trọng lẫn nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Q đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị H là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 Hội đồng xét xử cho chị H được ly hôn với anh Q.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh Q có một người con chung Trần Ngọc Như Q1, sinh ngày 02/10/2012. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Quỳnh là con gái nên giao cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và việc giao cháu Quỳnh cho chị H nuôi dưỡng cũng phù hợp nguyện vọng của cháu Quỳnh mong muốn được ở với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh Q trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về quan điểm của Kiểm sát viên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Hoàng Q.

2.Về con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc Như Q1, sinh ngày 02/10/2012 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Q1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo

biên lai thu số 0008431 ngày 07/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án (31/5/2023).

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- UBND p. Phước Bình (số 46/2011, ngày 06/9/2011);
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Tịnh